

I. TỔNG QUAN

1. Diễn tiến

- *Giai đoạn trước 10/2012*: hai Bên thực hiện các hoạt động kỹ thuật (nghiên cứu khả thi...) chuẩn bị cho đàm phán
- *Tháng 06/2012*: hai Bên tuyên bố khởi động đàm phán
- *Từ tháng 10/2012 – tháng 8/2015*: hai Bên đã tiến hành 14 vòng đàm phán chính thức và nhiều phiên đàm phán giữa kỳ
- *Ngày 4/8/2015*: hai Bên tuyên bố Kết thúc cơ bản đàm phán EVFTA
- *Ngày 1/12/2015*: hai Bên tuyên bố chính thức kết thúc đàm phán EVFTA
- *Ngày 1/2/2016*: hai Bên công bố văn bản chính thức của EVFTA
- *Tháng 06/2017*: hai Bên hoàn thành rà soát pháp lý ở cấp kỹ thuật
- *Ngày 26/6/2018*: hai Bên thống nhất tách EVFTA làm hai Hiệp định, một là Hiệp định Thương mại (EVFTA), và một là Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA); chính thức kết thúc quá trình rà soát pháp lý đối với Hiệp định EVFTA
- *Tháng 08/2018*: hai Bên công bố chính thức hoàn tất việc rà soát pháp lý đối với Hiệp định EVIPA.
- *Ngày 17/10/2018*: Ủy ban châu Âu chính thức thông qua EVFTA và EVIPA
- *Ngày 30/6/2019*: hai Bên chính thức ký kết EVFTA và EVIPA.
- *Ngày 12/2/2020*: Nghị viện châu Âu chính thức thông qua EVFTA và EVIPA. Trong tiến trình phê chuẩn 2 Hiệp định này, về thủ tục nội bộ của EU, sau khi được Nghị viện châu Âu phê chuẩn, Hiệp định EVFTA cần được Hội đồng châu Âu phê duyệt để có hiệu lực. Về phía Việt Nam, sau khi được Quốc hội Việt Nam thông qua, EVFTA sẽ ngay lập tức có hiệu lực. Còn Hiệp định EVIPA phải được sự phê chuẩn của cả Nghị viện châu Âu và Nghị viện của tất cả 27 nước thành viên EU (sau khi Vương quốc Anh hoàn tất Brexit) mới có hiệu lực.

2. Đối tác

- EU là một liên minh gồm 27 quốc gia ở khu vực châu Âu (sau khi Vương quốc Anh hoàn tất Brexit) và là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Cho tới thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa có FTA nào với các quốc gia trong khu vực này.
- EU đã từng khởi động đàm phán FTA với khu vực ASEAN từ năm 2007, tuy nhiên đến năm 2009 đàm phán đã bị dừng lại.

Về quan hệ song phương với từng quốc gia ASEAN, hiện EU đã ký kết FTA và IPA với Singapore, chuẩn bị ký kết FTA và IPA với Việt Nam, và đang đàm phán FTA với Thái Lan, Malaysia, Philippines và Indonesia.

- Năm 2018, EU là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam, và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, chỉ sau Hoa Kỳ. Đặc điểm nổi bật trong cơ cấu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU là tính bổ sung rất lớn, ít mang tính cạnh tranh đối đầu trực tiếp.

II. TÓM LƯỢC MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG EVFTA

EVFTA là một FTA thế hệ mới, với phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao. Hiệp định gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ. Các lĩnh vực cam kết chính trong EVFTA bao gồm:

- ✓ Thương mại hàng hóa, bao gồm:
 - + các quy định chung (gọi là cam kết lời văn); và
 - + các biểu cam kết thuế quan cụ thể (gọi là cam kết mở cửa thị trường)
- ✓ Quy tắc xuất xứ, bao gồm:
 - + các nguyên tắc xác định xuất xứ chung
 - + các quy tắc xuất xứ riêng cho những loại hàng hóa nhất định
- ✓ Hải quan và thuận lợi hóa thương mại
- ✓ Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)
- ✓ Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)
- ✓ Phòng vệ thương mại (TR)
- ✓ Thương mại dịch vụ (lời văn về quy định chung và cam kết mở cửa thị trường)
 - + Các quy định chung (gọi là cam kết lời văn); và
 - + Các biểu cam kết mở cửa dịch vụ cụ thể (gọi là cam kết mở cửa thị trường)
- ✓ Đầu tư
 - + Các nguyên tắc chung về đối xử với nhà đầu tư
 - + Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài
- ✓ Cạnh tranh
- ✓ Doanh nghiệp nhà nước
- ✓ Mua sắm của Chính phủ
- ✓ Sở hữu trí tuệ
- ✓ Thương mại và Phát triển bền vững (bao gồm cả môi trường, lao động),
- ✓ Các vấn đề pháp lý – thể chế
- ✓ Hợp tác và xây dựng năng lực

Dưới đây là tóm lược một số vấn đề chính trong EVFTA:

1. Thương mại hàng hóa

1.1. Cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của EU

- EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng hóa của Việt Nam thuộc **85,6%** số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương **70,3%** kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU;
- Trong vòng **7 năm** kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ **99,2%** số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương **99,7%** kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU.

Đối với **0,3%** kim ngạch xuất khẩu còn lại (*bao gồm: 1 số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao, tinh bột sắn, cá ngừ đóng hộp*), EU cam kết mở cửa cho Việt Nam theo hạn ngạch thuế quan (TRQs) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Bảng 1 – Tổng hợp cam kết mở cửa của EU đối với một số nhóm hàng hóa quan trọng của Việt Nam

| Cam kết | Cam kết thuế quan của EU dành cho Việt Nam |
|--|---|
| Nhóm hàng Nông – thủy sản | |
| Thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên) | Xóa bỏ ngay khoảng 50% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| | 50% số dòng thuế còn lại được xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 7 năm. |
| | Riêng với cá ngừ đóng hộp và cá viên áp dụng hạn ngạch thuế quan lần lượt là 11.500 tấn và 500 tấn. |
| Gạo | Áp dụng cơ chế hạn ngạch thuế quan, lượng nhập khẩu trong hạn ngạch được hưởng mức thuế 0%. |
| | Tổng hạn ngạch là 80.000 tấn, cụ thể: |
| | Gạo chưa xay xát: lượng hạn ngạch là 20.000 tấn |
| | Gạo xay xát: lượng hạn ngạch là 30.000 tấn |
| | Gạo thơm: lượng hạn ngạch là 30.000 tấn |

| | |
|---|--|
| | Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với gạo tằm sau 5 năm, và các sản phẩm từ gạo sau 3-5 năm. |
| Cà phê | Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| Đường | Áp dụng hạn ngạch thuế quan với mức là 10.000 tấn đường trắng và 10.000 tấn sản phẩm chứa trên 80% đường |
| Mật ong tự nhiên | Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| Sản phẩm rau củ quả tươi và chế biến, nước hoa quả, hoa tươi | Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| Các hàng nông sản khác | Một số sản phẩm được áp dụng cam kết về hạn ngạch thuế quan của EU dành cho Việt Nam: Trứng gia cầm đã qua chế biến: 500 tấn Tỏi: 400 tấn Ngô ngọt: 5.000 tấn Tinh bột sắn: 30.000 tấn Nấm: 350 tấn Cồn etylic: 1.000 tấn Một số sản phẩm hóa chất (manitol, sorbitol, dextrans,...): 2.000 tấn |
| Nhóm hàng công nghiệp | |
| Dệt may | 42,5% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| | Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 7 năm. |

| | |
|--|---|
| Giày dép | 37% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| | Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 7 năm. |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | Khoảng 83% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| | Khoảng 17% còn lại (gồm ván dăm, ván sợi và gỗ dán...) sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 5 năm. |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 74% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực. |
| | Các sản phẩm còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 đến 5 năm |
| Một số sản phẩm khác | Một số mặt hàng sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực ví dụ như sản phẩm nhựa, điện thoại các loại và linh kiện, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù... |

Nguồn: Bộ Công Thương

1.2. Cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của Việt Nam

- Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực cho hàng hóa của EU thuộc **48,5%** số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương **64,5%** kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam;
- Trong vòng **7 năm** kể từ khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết xóa bỏ **91,8%** số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương **97,1%** kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam;
- Trong vòng **10 năm** kể từ khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ khoảng **98,3%** số dòng thuế trong biểu thuế, chiếm **99,8%** kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam.
- Đối với khoảng **1,7%** số dòng thuế còn lại của EU, Việt Nam cam kết dành hạn ngạch thuế quan như cam kết WTO, hoặc áp dụng lộ trình xóa bỏ đặc biệt (như thuốc lá, xăng dầu, bia, linh kiện ô tô, xe máy).

Bảng 2 – Tổng hợp cam kết mở cửa của Việt Nam đối với một số nhóm hàng hóa quan trọng của EU

| Cam kết | Cam kết thuế quan của Việt Nam dành cho EU |
|---|---|
| Máy móc, thiết bị | 61% dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực. |
| | Thuế nhập khẩu của số còn lại sẽ được đưa về 0% sau lộ trình tối đa 10 năm. |
| Ô tô nguyên chiếc và linh kiện, phụ tùng ô tô, xe máy | Ô tô phân phối lớn (trên 2500 cm ³ với xe chạy dầu diesel, trên 3000 cm ³ đối với xe chạy xăng) sẽ có thuế nhập khẩu về 0% sau 9 năm. |
| | Các loại ô tô khác được áp dụng lộ trình cam kết giảm thuế trong vòng 10 năm |
| | Các loại phụ tùng ô tô sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 7 năm |
| | Xe máy thường và xe máy trên 150 cm ³ sẽ có thuế nhập khẩu 0% sau lần lượt là 10 năm và 7 năm |
| Đồ uống có cồn | Rượu vang và rượu mạnh sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 7 năm |
| | Lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu với bia là 10 năm |
| Các loại thịt sống | Thuế nhập khẩu thịt lợn đông lạnh sẽ về 0% sau 7 năm; thuế nhập khẩu các loại thịt lợn khác sẽ về 0% sau 9 năm |
| | Thịt gà sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 10 năm |
| | Thịt bò sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 3 năm |
| Dược phẩm | Khoảng 71% các sản phẩm dược từ EU sẽ có thuế nhập khẩu 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| | Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế quan theo lộ trình từ 5 đến 7 năm |
| | Khoảng 70% nhóm sản phẩm này sẽ được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có Hiệu lực |

| | |
|---|--|
| Hóa chất và sản phẩm hóa chất | Phần còn lại sẽ có thuế suất 0% sau lộ trình tối đa là 7 năm |
| Nguyên phụ liệu dệt may, da giày | Khoảng 80% nhóm hàng này sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực |
| | Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế sau từ 3 đến 5 năm |
| Sữa và sản phẩm từ sữa | Khoảng 44% nhóm sản phẩm này sẽ có mức thuế 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 năm |
| | Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 5 năm. |
| Xăng dầu | Thuế nhập khẩu sẽ được xóa bỏ sau 10 năm |

Nguồn: Bộ Công Thương

1.3. Cam kết về thuế xuất khẩu:

Việt Nam và EU cam kết không áp dụng bất kỳ loại thuế, phí xuất khẩu nào trừ các trường hợp được bảo lưu rõ (theo kết quả cam kết thì chỉ có Việt Nam có bảo lưu về vấn đề này, EU không có bảo lưu nào). Theo nguyên tắc này, trừ các trường hợp có bảo lưu (của Việt Nam), Việt Nam và EU sẽ không áp dụng loại thuế, phí nào riêng đối với hàng xuất khẩu mà không áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa, không áp dụng mức thuế, phí đối với hàng xuất khẩu cao hơn mức áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa.

Bảo lưu của Việt Nam về các thuế xuất khẩu được nêu trong Phụ lục 2d Chương 2 EVFTA, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU với các nội dung chủ yếu như sau:

- Việt Nam duy trì đánh thuế xuất khẩu đối với 57 dòng thuế, gồm các sản phẩm như cát, đá phiến, đá granit, một số loại quặng và tinh quặng, dầu thô, than đá, than cốc, vàng... Trong số này, các dòng thuế hiện nay đang có mức thuế xuất khẩu cao sẽ được đưa về mức 20% trong thời gian tối đa là 5 năm (riêng quặng mangan sẽ được giảm về 10%); các sản phẩm còn lại duy trì mức thuế xuất khẩu hiện hành;

- Với toàn bộ các sản phẩm khác, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế xuất khẩu theo lộ trình tối đa là 15 năm.

1.4. Cam kết về hàng rào phi thuế

- *Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT):*

+ Hai Bên thỏa thuận tăng cường thực hiện các quy tắc của Hiệp định về các Rào cản kỹ thuật đối với thương mại của WTO (Hiệp định TBT), trong đó Việt Nam cam kết tăng cường sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong ban hành các quy định về TBT của mình.

+ Hiệp định có 01 Phụ lục riêng quy định về các hàng rào phi thuế đối với lĩnh vực ô tô, trong đó Việt Nam cam kết công nhận toàn bộ chứng nhận phù hợp về kỹ thuật đối với ô tô của EU theo các nguyên tắc của Hiệp định UNECE 1958 (hệ thống tiêu chuẩn Liên Hợp Quốc) sau 5 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực;

+ Việt Nam cam kết chấp nhận nhãn “Sản xuất tại EU” (Made in EU) cho các sản phẩm phi nông sản (trừ dược phẩm) đồng thời vẫn chấp nhận nhãn xuất xứ cụ thể ở một nước EU.

- *Các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS):*

Việt Nam và EU đạt được thỏa thuận về một số nguyên tắc về SPS nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại đối với các sản phẩm động vật, thực vật.

Đặc biệt, đối với hàng hóa xuất nhập khẩu với Việt Nam, chủ thể quản lý phía EU là cơ quan có thẩm quyền của từng nước thành viên EU cụ thể (nơi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Việt Nam) chứ không phải là cơ quan chung cấp liên minh của EU. Ủy ban châu Âu chỉ chịu trách nhiệm về phối hợp chung, kiểm tra/thanh tra hệ thống kiểm soát và hệ thống pháp luật liên quan của các nước thành viên nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong toàn thị trường EU

- *Các biện pháp phi thuế quan khác*

Hiệp định cũng bao gồm các cam kết theo hướng giảm bớt hàng rào thuế quan khác (ví dụ về cam kết về cấp phép xuất khẩu/nhập khẩu, thủ tục hải quan...) nhằm tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai Bên.

1.5. Phụ lục về dược phẩm

Hiệp định có một Phụ lục riêng về dược phẩm (sản phẩm xuất khẩu quan trọng của EU, chiếm 9% tổng nhập khẩu từ EU và Việt Nam) trong đó:

- Hai Bên cam kết về một số biện pháp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại dược phẩm giữa EU và Việt Nam;
- Việt Nam cam kết cho phép các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được nhập khẩu dược phẩm nhưng không được tham gia bán buôn hay bán lẻ dược phẩm, và chỉ được bán lại cho doanh nghiệp được cấp phép quyền phân phối (bán buôn) dược phẩm ở Việt Nam
- Việt Nam có các cam kết về việc cho phép nhà thầu EU tham gia các gói thầu dược phẩm, với một số bảo lưu riêng.

2. Thương mại dịch vụ và đầu tư

Cam kết của Việt Nam và EU trong EVFTA về thương mại dịch vụ đầu tư hướng tới việc tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên, trong đó:

- ***Cam kết của EU cho Việt Nam***: Cao hơn cam kết của EU trong WTO và tương đương với mức cao nhất của EU trong các FTA gần đây của EU
- ***Cam kết của Việt Nam cho EU***: Cao hơn cam kết của Việt Nam trong WTO và ít nhất là ngang bằng với mức mở cửa cao nhất mà Việt Nam cho các đối tác khác trong các đàm phán FTA hiện tại của Việt Nam (bao gồm cả CPTPP);

Hộp 1: Một số cam kết mở cửa dịch vụ và đầu tư của Việt Nam cho EU trong EVFTA

Về dịch vụ:

Các cam kết về mở cửa: Trong EVFTA, Việt Nam cam kết mở cửa rộng hơn cho các nhà cung cấp dịch của EU so với trong WTO trong các lĩnh vực:

- Dịch vụ kinh doanh (business services)
- Dịch vụ môi trường
- Dịch vụ bưu chính và chuyển phát
- Ngân hàng
- Bảo hiểm
- Vận tải biển

Việt Nam cũng cam kết một loạt các quy tắc ràng buộc liên quan đến các lĩnh vực như dịch vụ tài chính, viễn thông, vận tải biển và bưu chính.

Về đầu tư:

Việt Nam cam kết mở cửa rộng hơn cho đầu tư từ EU trong một số ngành sản xuất như:

- Thực phẩm và đồ uống
- Phân bón và hợp chất nitơ
- Săm lốp
- Găng tay và sản phẩm nhựa
- Đồ gốm
- Vật liệu xây dựng

Đối với ngành sản xuất máy móc, Việt Nam cam kết dỡ bỏ các hạn chế đối với việc lắp ráp động cơ hàng hải, máy móc nông nghiệp, đồ gia dụng và đối với sản xuất xe đạp.

Việt Nam cũng đưa ra một số cam kết về tái chế.

Nguồn: Ủy ban châu Âu

3. Mua sắm của Chính phủ

- Hiệp định EVFTA bao gồm các nguyên tắc về mua sắm của Chính phủ (đấu thầu công) tương đương với quy định của Hiệp định mua sắm của Chính phủ của WTO (GPA).
- Với một số nghĩa vụ như đấu thầu qua mạng, thiết lập cổng thông tin điện tử để đăng tải thông tin đấu thầu...: Việt Nam sẽ thực hiện theo lộ trình; EU cũng cam kết dành hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để thực thi các nghĩa vụ này.
- Việt Nam bảo lưu có thời hạn quyền dành riêng một tỷ lệ nhất định giá trị các gói thầu cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ và lao động trong nước.

Hộp 2: Một số cam kết mở cửa thị trường mua sắm công của Việt Nam trong EVFTA

Việt Nam cam kết cho phép các nhà thầu EU được tham gia thầu trong các gói thầu của:

- Các Bộ ngành, bao gồm cả các gói thầu trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng như đường xá và cảng biển
- Các doanh nghiệp nhà nước quan trọng, ví dụ các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện lực và đường sắt trên toàn quốc
- 34 bệnh viện công
- Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

Nguồn: Ủy ban châu Âu

4. Sở hữu trí tuệ

- Phần sở hữu trí tuệ trong EVFTA gồm các cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới dược phẩm và chỉ dẫn địa lý... với mức bảo hộ cao hơn so với WTO; tuy nhiên các mức này về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam
- Về chỉ dẫn địa lý, Việt Nam cam kết bảo hộ 169 chỉ dẫn địa lý của EU và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm. Đây là điều kiện để một số chủng loại nông sản nổi bật của Việt Nam tiếp cận và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.
- Về dược phẩm, Việt Nam cam kết tăng cường bảo hộ độc quyền dữ liệu cho các sản phẩm dược phẩm của EU, và nếu cơ quan có thẩm quyền chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm thì thời hạn bảo hộ sáng chế có thể được kéo dài thêm nhưng không quá 2 năm.

5. Doanh nghiệp nhà nước và trợ cấp

- Về doanh nghiệp nhà nước (DNNN):

Hai Bên thống nhất về các nguyên tắc đối với các DNNN; các nguyên tắc này, cùng với các nguyên tắc về trợ cấp, hướng tới việc bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các DNNN và doanh nghiệp dân doanh khi các DNNN tham gia vào các hoạt động thương mại.

- Đối với các khoản trợ cấp trong nước: Sẽ có các quy tắc về minh bạch và có thủ tục tham vấn.

6. Thương mại và Phát triển bền vững

EVFTA bao gồm một chương khá toàn diện về thương mại và phát triển bền vững, bao gồm một số nội dung quan trọng như:

- Cam kết thực thi hiệu quả các tiêu chuẩn cơ bản của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO), các Công ước của ILO (không chỉ các Công ước cơ bản), các Hiệp định Đa phương về Môi trường mà mỗi Bên đã ký kết/gia nhập;
- Cam kết gia nhập/ký kết các Công ước cơ bản của ILO mà mỗi Bên chưa tham gia;
- Cam kết sẽ không vì mục tiêu thu hút thương mại và đầu tư mà giảm bớt các yêu cầu hoặc phương hại tới việc thực thi hiệu quả các luật về môi trường và lao động trong nước;
- Thúc đẩy Trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp, có dẫn chiếu tới các thông lệ quốc tế về vấn đề này;
- Một điều khoản về biến đổi khí hậu và các cam kết bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học (bao gồm động thực vật hoang dã), rừng (bao gồm khai thác gỗ bất hợp pháp), và đánh bắt cá.
- Các cơ chế tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự vào việc thực thi Chương này, cả từ góc độ nội địa (tham vấn các nhóm tư vấn nội địa) và song phương (các diễn đàn song phương);
- Các điều khoản tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.

7. Cơ chế giải quyết tranh chấp

- EVFTA thiết lập một cơ chế giải quyết các tranh chấp có thể phát sinh giữa Việt Nam và EU trong việc diễn giải và thực thi các cam kết của Hiệp định;
 - + Cơ chế này áp dụng đối với hầu hết các Chương của Hiệp định và được đánh giá trong một số mặt là nhanh và hiệu quả hơn cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO;
 - + Cơ chế này được thiết kế với tính chất là phương thức giải quyết tranh chấp cuối cùng, khi các bên không giải quyết được tranh chấp bằng các hình thức khác;
 - + Cơ chế này bao gồm các quy trình và thời hạn cố định để giải quyết tranh chấp, theo đó hai Bên trước tiên phải tham vấn, nếu tham vấn không đạt được kết quả thì một trong hai Bên có thể yêu cầu thiết lập một Ban hội thẩm bao gồm các chuyên gia pháp lý độc lập;
- EVFTA cũng dự liệu một cơ chế khác mềm dẻo hơn: cơ chế trung gian, để xử lý các vấn đề liên quan tới các biện pháp có ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư và thương mại song phương.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TỪ EVFTA ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1. Cơ hội

- *Về xuất khẩu*, mặc dù hiện tại EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, thị phần hàng hóa của Việt Nam tại khu vực này vẫn còn rất khiêm tốn, bởi năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam (đặc biệt là năng lực cạnh tranh về giá) còn hạn chế. Vì vậy, nếu được xóa bỏ tới trên 99% thuế quan theo EVFTA, các doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội tăng khả năng cạnh tranh về giá của hàng hóa khi nhập khẩu vào khu vực thị trường quan trọng này.

Các ngành dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mà hiện EU vẫn đang duy trì thuế quan cao như dệt may, giày dép và hàng nông sản.

- *Về nhập khẩu*, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ được lợi từ nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ EU. Đặc biệt, các doanh nghiệp sẽ có cơ hội được tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ/kỹ thuật cao từ các nước EU, qua đó để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của mình.

Đồng thời, hàng hóa, dịch vụ từ EU nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo ra một sức ép cạnh tranh để doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh của mình.

- *Về Đầu tư*: Môi trường đầu tư mở hơn và thuận lợi hơn, triển vọng xuất khẩu hấp dẫn hơn sẽ thu hút đầu tư FDI từ EU vào Việt Nam nhiều hơn.
- *Về Môi trường kinh doanh*: Với việc thực thi các cam kết trong EVFTA về các vấn đề thể chế, chính sách pháp luật sau đường biên giới, môi trường kinh doanh và chính sách, pháp luật Việt Nam sẽ có những thay đổi, cải thiện theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

2. Thách thức:

Với EVFTA, cơ hội mở ra rất lớn nhưng các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ gặp phải không ít thách thức bởi:

- *Các yêu cầu về quy tắc xuất xứ có thể khó đáp ứng:* Thông thường hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA thì nguyên liệu phải đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU và/hoặc Việt Nam). Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc ASEAN.
- *Các rào cản TBT, SPS và yêu cầu của khách hàng:* EU là một thị trường khó tính. Khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm. Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường... của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Vì vậy, dù có được hưởng lợi về thuế quan thì hàng hóa của Việt Nam cũng phải hoàn thiện rất nhiều về chất lượng để có thể vượt qua được các rào cản này.
- *Nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại:* Thông thường khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, doanh nghiệp ở thị trường nhập khẩu có xu hướng sử dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Và EU cũng là một trong những thị trường có “truyền thống” sử dụng các công cụ này.
- *Sức ép cạnh tranh từ hàng hóa và dịch vụ của EU:* Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ EU đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khó khăn hơn ngay tại thị trường nội địa. Trên thực tế, đây là một thách thức rất lớn, bởi các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các doanh nghiệp Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA. Tuy nhiên, cam kết mở cửa của Việt Nam là có lộ trình, đặc biệt đối với những nhóm sản phẩm nhạy cảm, do đó EVFTA cũng là cơ hội, sức ép hợp lý để các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Xem thêm

- Toàn bộ nội dung về EVFTA trên trang Trung tâm WTO:
<http://www.trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1>

Tài liệu tham khảo

- Trang web Bộ Công Thương: “*Kết quả đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và EU*”, ngày 7/8/2015
- Trang web Ủy ban châu Âu: “*Memo: EU and Vietnam reach agreement on free trade deal*”, ngày 4/8/2015
- Trang web Trung tâm WTO và Hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).